UBND HUYỆN IA GRAI
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN IA GRAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :762/BC-TTYT

Ia Grai, ngày 13 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN THỰC PHẨM

☐ **Báo cáo 6 tháng** ☒ **Báo cáo năm**

Kính gửi: Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Gia Lai.

I. Hành chính

1. Tên huyện: Ia Grai

- Dân số (người): 110.405
- Diện tích (Km^2): 1.120,5
- Số xã/phường/thị trấn: 13

2. Thống kê nguồn lực quản lý ATTP tuyến quận/huyện:

1 Tên đơn vị báo cáo: Trung tâm Y tế huyện Ia Grai

2 Địa chỉ: 82 Quang Trung, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai

Điện thoại:

E-mail: ttytiagrai@gmail.com

3 Cán bộ, nhân viên:

(a) Tổng số cán bộ, nhân viên (*): 01 người

(b) Phân loại *(ghi số người vào cột tương ứng):*

Cán bộ	Số lượng (người)
(1) Chuyên trách	
(2) Kiêm nhiệm	01
(3) Quản lý	
(4) Chuyên môn/kỹ thuật	
(5) Khác (ghi rõ)	

(c) Trình độ học vấn (ghi số người vào cột tương ứng):

Trình độ	Số lượng (người)
(1) Sau đại học	
(2) Đại học	
(3) Cao đẳng, trung cấp	01
(4) Khác (ghi rõ)	

4. Thiết bị văn phòng của bộ phận được phân công nhiệm vụ bảo đảm ATTP

Tên trang thiết bị	Số lượng
(1) Máy tính (chiếc)	01

5. Năng lực kiểm nghiệm

Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Số lượng
(1) Xét nghiệm chỉ tiêu hóa lý (chỉ tiêu):	01
(2) Xét nghiệm chỉ tiêu vi sinh (chỉ tiêu):	01

(*) Bao gồm cả công chức tại phòng y tế và cán bộ viên chức tại Trung tâm y tế quận/huyện

3. Thông tin số cơ sở thực phẩm:

TT	Nội dung	Tuyến huyện		
		Tổng số cơ sở trên địa bàn huyện	*Số cơ sở thuộc quản lý của UBND huyện*	*Số cơ sở có GCN đủ điều kiện/tổng số cơ sở phải cấp GCN do UBND huyện quản lý*
1	Cơ sở sản xuất thực phẩm (*bao gồm cả cơ sơ vừa sản xuất vừa kinh doanh*)	28	0	0
2	Cơ sở kinh doanh thực phẩm	700	0	0

3	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	263	30	22/30
4	Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố	122	0	0
Tổng		1.113		

II. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Quản lý, chỉ đạo:

TT	Nội dung hoạt động	Tuyến huyện	
		Số lượng	*Ghi chú*
1	BCĐLN ATTP phường/xã/thị trấn/quận/huyện do Chủ tịch UBND làm Trưởng ban.	14	
2	Họp BCĐLN ATTP	14	
3	Hội nghị triển khai, tổng kết của BCĐ	14	

2. Hoạt động thông tin, truyền thông

TT	Tên hoạt động/hình thức	Tuyến huyện	
		Số lượng	*Ghi chú*
1	Nói chuyện/Hội thảo (*buổi/tổng số người dự*)		
2	Tập huấn (*lớp/tổng số người dự*)		
3	Phát thanh loa, đài (*tin/bài/phóng sự*)	10	
4	Truyền hình (*buổi/tọa đàm/phóng sự*)		
5	Báo viết (*tin/bài/phóng sự*)		
6	Băng rôn, khẩu hiệu	12	

7	Tranh áp – phích/Posters		
8	Tờ gấp/tờ rơi		
9	Tài liệu khác (*ghi rõ*):.....		

3. Hoạt động thanh tra, kiểm tra:

1. Số lượng đoàn thanh tra, kiểm tra: 03

2. Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra (cơ sở): 59

3. Kết quả chi tiết:

TT	Nội dung	Tuyến huyện				
		SX thực phẩm (gồm vừa SX và vừa KD)	*KD thực phẩm*	*KD dịch vụ ăn uống*	*KD thức ăn đường phố*	***Cộng***
1	**Tổng số cơ sở**	28	700	263	122	1.113
2	Cơ sở được thanh tra, kiểm tra		42	17	0	59
	Đạt (*số cơ sở/%*)		37	15	0	52
	Vi phạm (*số cơ sở/%*)		05	02	0	07
3	**Xử lý vi phạm**					
3.1	Phạt tiền:					
	- Số cơ sở:	0	05	01	0	06
	- Tiền phạt *(đồng)*:	0	7.000.000	2.000.000	0	9.000.000
3.2	Xử phạt bổ sung:					
	- Tước quyền sử dụng GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP					
	- Đình chỉ hoạt động					
	- Tịch thu tang vật					

3.3	Khắc phục hậu quả (*loại, trọng lương*):					
	- Buộc thu hồi					
	- Buộc tiêu hủy					
	-Khác(ghi rõ):					
4	**Xử lý khác**					
4.1	Thu hồi GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP					
4.2	Chuyển cơ quan điều tra					

4. Kiểm nghiệm thực phẩm

TT	Nội dung	Tuyến huyện
1	**Xét nghiệm tại labo *(tổng số mẫu)***	
1.1	Hóa lý *(tổng số mẫu)*	
	- Đạt *(số mẫu/%)*	
	- Không đạt *(số mẫu/%)*	
1.2	Vi sinh	
	- Đạt *(số mẫu/%)*	
	- Không đạt *(số mẫu/%)*	
2	**Xét nghiệm nhanh**	
2.1	Hóa lý *(tổng số mẫu)*	29 mẫu rượu
	- Đạt *(số mẫu/%)*	29/29 mẫu (100%)
	- Không đạt *(số mẫu/%)*	0
2.2	Vi sinh	
	- Đạt *(số mẫu/%)*	
	- Không đạt *(số mẫu/%)*	
Tổng (1+2)		

5. Ngộ độc thực phẩm

TT	Nội dung	Kết quả		So sánh (*Số lượng/%*)
		Năm nay	*Năm trước*	
1	Số vụ (vụ)	0	0	
2	Số mắc (người)	0	0	
3	Số tử vong (người)	0	0	
4	Vụ NĐTP lớn (>= 30 người/vụ)	0	0	
5	Nguyên nhân (vụ)			
	- Vi sinh			
	- Hóa học			
	- Độc tố tự nhiên			
	- Không xác định			

6. Kinh phí triển khai hoạt động về an toàn thực phẩm:

TT	Nguồn kinh phí	Số lượng *(triệu đồng)*	Ghi chú
1	Ngân sách từ Chương trình mục tiêu y tế - dân số	0	
2	Ngân sách từ địa phương	25.000.000	
3	Nguồn kinh phí khác *(ghi rõ)*……	0	
Tông cộng		25.000.000	

7. Các hoạt động khác (nếu có):

.....

III. Đánh giá chung:

1.Ưu điểm:

- Sự quan tâm, chỉ đạo sát của cấp trên: Sở y tế, Chi cục ATVSTP tỉnh, UBND huyện.

- Công tác kiểm tra, được tăng cường, đẩy mạnh và kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về ATTP.

- Sự tham gia nhiệt tình tích cực của các thành viên đoàn liên ngành thanh kiểm tra ATVSTP huyện.

- Công tác giải quyết thủ tục hành chính được các cơ quan quản lý nhà nước về ATTP tuyến huyện giải quyết đúng trình tự và kịp thời cho các tổ chức, công dân.